

**CÔNG TY CP THỰC  
PHẨM BÍCH CHI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 17 /CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Mã CK: BCF

Trụ sở chính: 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP.Sa Đéc, Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.3861910

Fax: 0277.3864674

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thanh Bình

Điện thoại (di động):

Fax: 0277.3864674

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường Định kỳ  
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin lại Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tài liệu họp được công bố trên website Công Ty [www.bichchi.com.vn](http://www.bichchi.com.vn) (mục quan hệ cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 22 tháng 5 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám Đốc



Phạm Thanh Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI**

----- ❖ ❖ ❖ -----

Số: 41.../BC

"*V/v: Giải trình về việc Điều chỉnh biên bản kiểm phiếu; Dính chính Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- ❖ ❖ ❖ -----

Tp.HCM, ngày 22 tháng 05 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ngày 13/05/2021 Công Ty CP thực phẩm Bích Chi đã nhận được thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc từ chối Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về việc đề nghị công ty kiểm tra lại số lượng biểu quyết tại biên bản so với cổ đông tham dự.

Thực hiện điều chỉnh Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2021 và số liệu về kết quả biểu quyết các vấn đề tại Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Về vấn đề này Công ty xin có ý kiến giải trình như sau:

Ngày 28/04/2021, Công Ty CP thực phẩm Bích Chi tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 với số lượng cổ đông tham dự là 121 Cổ đông đại diện cho 20.989.110 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 99,55% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong quá trình lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết 13 vấn đề trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công Ty CP thực phẩm Bích Chi họp ngày 28/4/2021, Ban kiểm phiếu đã thiết lập biểu mẫu thống kê không đúng khi kê khai danh sách cổ đông dự họp là 121 người, nhưng thay vì số cổ phần sở hữu là 20.989.110 CP, nhưng số liệu đánh máy tại biểu thống kê này lại nhập 2 lần con số 20.989.110 CP (số liệu đánh máy nhầm là con số 41.978.220 CP).

Do đó tỷ lệ biểu quyết các vấn đề trình Đại hội có sai lệch nhỏ ở phần thập phân (*Dính kèm biểu thống kê biểu quyết ngày 28/4/2021 và Biểu thống kê đã điều chỉnh*).

Ban kiểm phiếu đã lập lại Biên bản kiểm Phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2021 (*Dính kèm Biên bản kiểm phiếu đã điều chỉnh*)



Nay Công ty xin được phép giải trình và đính chính Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Công Ty CP thực phẩm Bích Chi kính báo cáo và giải trình các vấn đề trên với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội. Mong nhận được sự thông cảm, chấp thuận của Quý Cơ quan.

Trân trọng!

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Sở GDCK Hà Nội (để b/c)
- Ủy ban CKNN (để b/c)
- Lưu TC-HC.

**CÔNG TY CP THỰC PHẨM BÍCH CHI**



**Phạm Thanh Bình**

**Tổng Giám Đốc**





THÔNG KÊ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 28/4/2021

Mã số cổ đông	Họ và tên	Tổng số GP tham dự	Biểu quyết												
			Vấn đề 1	Vấn đề 2	Vấn đề 3	Vấn đề 4	Vấn đề 5	Vấn đề 6	Vấn đề 7	Vấn đề 8	Vấn đề 9	Vấn đề 10	Vấn đề 11	Vấn đề 12	Vấn đề 13
1	BUI NHƯY THANH	44.424	Bảo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh 5 năm (2016-2020)	Báo cáo của Ban Giám Đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và phương hướng năm 2021	Bảo cáo của Ban kiểm soát	Dự thảo về Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán	Báo cáo về sử dụng quỹ từ thiện xã hội năm 2020 và kế hoạch sử dụng năm 2021	Tờ trình về lợi nhuận phân phối năm 2020	Tờ trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020	Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	Tờ trình về quyết toán thu lao của HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch trả thu lao năm 2021	Thông qua Điều lệ của Công Ty	Thông qua dự thảo Quy chế quản trị một bộ phận của Công Ty	Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT
2	BUI THI BE	8.403	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	BUI THI NGOC TRINH	16.588	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	BUI THI NGOC TRAM	65.353	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	BUI THI NGOC TUYEN	116.915	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
6	BUI VAN SAU	2.110.022	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
7	GIANG HUNG DIANG	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
8	HUYEN THU LOAN	43.325	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
9	HUYEN THI DUNG	9.092	1	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
10	HUYEN THI KIM HANH	29.650	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
11	HUYEN THI LE HOA	65.622	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
12	HUYEN THI DINH	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
13	HA THI LOT	26.677	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
14	HA THI KIM LOAN	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
15	HA PHUONG UYEN	6.285	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
16	KHA QUOC THANH	2.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
17	LAM TAN HIEN	80.587	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
18	LE ANH TUAN	806	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
19	LE NHAN CHUNG	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
20	LE THANH TRUY	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
21	LE THI TRONG LOAN	1.279	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
22	LE THI MAI	9.671	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
23	LE THI THANH TRUC	5.640	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
24	LE THUY HAI	3.624	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
25	LE TRUNG TIN	1.380	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
26	LYO THI NGOC THANH	76.135	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
27	MAI THE KHOI	1.668.969	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
28	MAC BUI TUAN ANH	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
29	NGUYEN HOANG TAM	41.910	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
30	NGUYEN HUONG LIEN	2.050.406	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
31	NGUYEN HAI HOANG	44.505	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
32	NGUYEN HUU DUC	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
33	NGUYEN KIM NGAN	806	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
34	NGUYEN KIM DANG	52.388	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
35	NGUYEN LE PHUONG UYEN	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
36	NGUYEN MINH KIM DUNG	8.904	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
37	NGUYEN NGOC THUY	1.150	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
38	NGUYEN NGOC TIEN	1.029.274	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
39	NGUYEN PHUNG THANH	2.429	2	2	2	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1
40	NGUYEN PHU HUE	6.564	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
41	NGUYEN THANH THON	3.739	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
42	NGUYEN THANH THAO	795	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
43	NGUYEN THANH HIEU	274.183	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
44	NGUYEN THANH NHAN	4.835	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
45	NGUYEN THU BACH HANG	117.171	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1





Mã số cơ đong	Họ và tên	Tổng số CP tham dự	Nội dung												
			Vấn đề 1	Vấn đề 2	Vấn đề 3	Vấn đề 4	Vấn đề 5	Vấn đề 6	Vấn đề 7	Vấn đề 8	Vấn đề 9	Vấn đề 10	Vấn đề 11	Vấn đề 12	Vấn đề 13
46	066 Nguyễn Thị Bích Vân	12.394	Báo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh 5 năm (2016-2020)	1320 của Ban Giám Đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và phương hướng năm 2021	Báo cáo của Ban kiểm soát	Dự thảo về Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán	Báo cáo về sử dụng quỹ từ lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch sử dụng năm 2021	Từ trình về phân phối lợi nhuận năm 2020	Từ trình về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 1 năm 2020	Từ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	Từ trình về quyết toán thu lao năm 2021	Thông qua Dự thảo Điều lệ của Công Ty	Thông qua Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty	Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT
47	067 Nguyễn Thị Cẩm Giang	468.903	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
48	068 Nguyễn Thị Hiệp	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
49	070 Nguyễn Thị Hồng Diễm	8.904	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
50	071 Nguyễn Thị Khuê	286.617	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
51	072 Nguyễn Thị Kim Hương	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
52	073 Nguyễn Thị Kim Thoa	1.311	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
53	074 Nguyễn Thị Kim Toán	215.504	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1
54	075 Nguyễn Thị Kim Tinh	41.910	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
55	076 Nguyễn Thị Mai	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
56	080 Nguyễn Thị Mỹ Em	23.287	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
57	081 Nguyễn Thị Mỹ Trang	10.325	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
58	082 Nguyễn Thị Nguyễn	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
59	083 Nguyễn Thị Ngọc Bích	4.136	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
60	084 NGUYỄN THỊ NGỌC HẠ	1.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
61	087 Nguyễn Thị Thanh	198.110	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
62	088 Nguyễn Thị Thanh Toản	5.640	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
63	089 Nguyễn Thị Thu Thảo	13.535	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
64	090 Nguyễn Thị Thu Thủy	79.109	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
65	091 NGUYỄN THỊ THUY LINH	4.306	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
66	092 Nguyễn Thị Thanh	8.087	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
67	093 NGUYỄN THỊ THUY DUY	4.306	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
68	095 Nguyễn Thị Thủy Nga	15.283	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
69	096 Nguyễn Thị Tuyết	21.174	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
70	097 Nguyễn Thị Tuyết Nga	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
71	101 Nguyễn Văn Biệt	24.307	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
72	102 Nguyễn Văn Kiên	1.150	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
73	103 Nguyễn Văn Ngọc	7.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
74	104 Nguyễn Văn Ngọc	6.560	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
75	105 Nguyễn Văn Tâm	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
76	107 Nguyễn Văn Âu	4.395	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
77	108 Nguyễn Đình Huy Phước	258.199	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
78	119 Ngô Thị Mỹ Hồng	25.413	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
79	120 Ngô Văn Lâm	23.656	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
80	124 PHAN THỊ MỸ LINH	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
81	125 PHAN THỊ TUYẾT SUON	8.885	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
82	126 Phan Trần Phương Thảo	15.531	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
83	130 PHAM HOANG THAI	758.784	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
84	131 Phạm Hữu Dương	54.335	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
85	132 Phạm Ngọc Sinh	470.278	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
86	133 Phạm Phú Quốc	656	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
87	134 Phạm Thanh Bình	3.044.677	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
88	135 Phạm Thuý Hà	93.952	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
89	136 Phạm Thị Bích Phương	41.910	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
90	137 Phạm Thị Hương Sơn	34.744	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
91	141 Phạm Thị Thanh Vân	46.046	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
92	142 Phạm Thị Tuyết Mai	33	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
93	145 Quan Thanh Duy	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1





Mã số cơ đòng	Họ và tên	Tổng số CP tham dự	Vấn đề														
			Vấn đề 1	Vấn đề 2	Vấn đề 3	Vấn đề 4	Vấn đề 5	Vấn đề 6	Vấn đề 7	Vấn đề 8	Vấn đề 9	Vấn đề 10	Vấn đề 11	Vấn đề 12	Vấn đề 13		
94	SON THI PHUONG	26,804	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
95	Tang Si Duc	955,035	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
96	Tang Thi Ngoc Thu	44,493	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
97	Triều Thị Tâm	3,200	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
98	149	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
99	150	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
100	152	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
101	155	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
102	156	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
103	157	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
104	158	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
105	164	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
106	167	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
107	169	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
108	170	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
109	173	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
110	175	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
111	176	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
112	177	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
113	178	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
114	180	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
115	183	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
116	184	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
117	187	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
118	189	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
119	191	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
120	195	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
121	195	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		20,989,110	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		41,978,220	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng số cơ phân tham dự			41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220	41,978,220
Tổng số cơ nhân đòng 1			41,935,608	41,935,608	41,896,866	41,923,918	41,926,516	41,693,597	41,953,568	41,953,568	41,678,194	41,935,608	41,935,608	41,935,608	41,935,608	41,935,608	41,935,608
Tổng số cơ phân tham dự			99,90%	99,90%	99,81%	99,87%	99,88%	99,32%	99,94%	99,94%	99,29%	99,90%	99,90%	99,94%	99,94%	99,94%	99,94%
Tổng số cơ phân không đòng 1			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số cơ phân không đòng 2			0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng số cơ phân không có ý kiến			42,612	42,612	81,354	54,302	51,704	284,623	24,652	24,652	300,026	42,612	42,612	27,081	24,652	24,652	24,652
Tổng số cơ phân tham dự			0,10%	0,10%	0,19%	0,13%	0,12%	0,68%	0,06%	0,06%	0,71%	0,10%	0,10%	0,06%	0,06%	0,06%	0,06%
			100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%





THÔNG KÊ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CƠ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 28/4/2021 (BIỂU MẪU ĐIỀU CHỈNH ĐÚNG)



STT	Họ và tên	Tổng số CP tham dự	Các vấn đề														
			Vấn đề 1	Vấn đề 2	Vấn đề 3	Vấn đề 4	Vấn đề 5	Vấn đề 6	Vấn đề 7	Vấn đề 8	Vấn đề 9	Vấn đề 10	Vấn đề 11	Vấn đề 12	Vấn đề 13		
1	Bùi Nhật Thanh	44,424	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Bùi Thị Bé	8,403	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	Bùi Thị Ngọc Trinh	16,586	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	Bùi Thị Ngọc Trâm	65,353	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	BUI THI NGOC TUYEN	116,915	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
6	Bùi Văn Sáu	2,110,072	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
7	Giảng Hưng Dũng	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
8	Huyền Thu Loan	43,325	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
9	Huyền Thị Dung	9,092	1	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
10	Huyền Thị Kim Hạnh	29,650	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
11	Huyền Thị Lê Hoa	65,632	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
12	Huyền Thị Đình	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
13	Hà Thị Lợi	26,677	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
14	Hà Thị Kim Loan	12,394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
15	Hà Phương Uyên	6,285	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
16	022 Kha Quốc Thành	2,000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
17	023 Lâm Tân Hiệp	80,587	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
18	024 Lê Anh Tuấn	806	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
19	026 Lê Nhân Chung	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
20	027 Lê Thanh Thủy	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
21	028 Lê Thị Hồng Loan	1,279	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
22	029 Lê Thị Mai	9,671	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
23	032 Lê Thị Thanh Trúc	5,640	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
24	034 Lê Thụy Hải	3,624	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
25	036 Lê Trung Tín	1,380	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
26	038 Lưu Thị Ngọc Thanh	76,135	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
27	041 MAI THÈ KHÔI	1,668,969	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
28	042 MẶc Bùi Tuấn Anh	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
29	043 Nguyễn Hoàng Tâm	41,910	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
30	044 Nguyễn Hương Liên	2,050,406	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
31	045 Nguyễn Hải Hoàng	44,505	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
32	046 Nguyễn Hữu Đức	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
33	047 Nguyễn Kim Ngân	806	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
34	048 Nguyễn Kim Bằng	52,388	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
35	049 Nguyễn Lê Phương Uyên	10,525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
36	040 Nguyễn Minh Kim Duy	8,904	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
37	052 Nguyễn Ngọc Thủy	1,150	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
38	051 Nguyễn Ngọc Thu	1,029,274	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
39	054 Nguyễn Phương Thanh T	2,429	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
40	055 Nguyễn Phú Huệ	6,564	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
41	059 NGUYEN THANH THON	3,739	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
42	061 Nguyễn Thanh Thảo	795	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
43	062 Nguyễn Thanh Hiếu	274,183	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
44	064 Nguyễn Thanh Nhân	4,835	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
45	065 Nguyễn Thị Bích Hằng	117,171	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1





STT	Mã số cá nhân	Họ và tên	Tăng số CP tham dự	Các nội dung khác												
				Vấn đề 1	Vấn đề 2	Vấn đề 3	Vấn đề 4	Vấn đề 5	Vấn đề 6	Vấn đề 7	Vấn đề 8	Vấn đề 9	Vấn đề 10	Vấn đề 11	Vấn đề 12	Vấn đề 13
46	066	Nguyễn Thị Bích Vân	12.394	Báo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh năm (2016-2020)	Báo cáo của Ban Giám Đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và phương hướng năm 2021	Báo cáo của Ban kiểm soát	Dự thảo về Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán	Báo cáo về sử dụng quỹ từ thiện xã hội năm 2020 và kế hoạch sử dụng năm 2021	Tư vấn về phân phối lợi nhuận năm 2020	Tư vấn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020	Tư vấn về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	Tư vấn về thủ tục của HĐQT và BKS năm 2020 và Kế hoạch trả thù lao năm 2021	Thông qua Dự thảo Điều lệ của Công Ty	Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty	Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT
47	067	Nguyễn Thị Cẩm Giang	468.903	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
48	068	Nguyễn Thị Hiệp	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
49	070	Nguyễn Thị Hồng Duyên	8.904	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
50	071	Nguyễn Thị Khuê	286.617	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
51	072	Nguyễn Thị Kim Hương	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
52	073	Nguyễn Thị Kim Thoa	1.311	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
53	074	Nguyễn Thị Kim Toán	215.504	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
54	075	Nguyễn Thị Kim Trinh	41.910	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
55	076	Nguyễn Thị Mai	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
56	080	Nguyễn Thị Mỹ Em	23.287	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
57	081	Nguyễn Thị Mỹ Trang	10.325	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
58	082	Nguyễn Thị Nguyễn	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
59	083	Nguyễn Thị Ngọc Bích	4.136	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
60	084	NGUYEN THI NGOC HA	1.000.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
61	087	Nguyễn Thị Thanh	198.110	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
62	088	Nguyễn Thị Thanh Toán	5.640	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
63	089	Nguyễn Thị Thu Thảo	13.535	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
64	090	Nguyễn Thị Thu Thủy	79.109	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
65	091	NGUYEN THAI THUY LINH	4.306	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
66	092	Nguyễn Thị Thanh	8.087	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
67	093	NGUYEN THI THUY OUC	4.306	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
68	095	Nguyễn Thị Thủy Nga	15.283	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
69	096	Nguyễn Thị Tuyết	23.174	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
70	097	Nguyễn Văn Bích	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
71	101	Nguyễn Văn Bích	24.307	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
72	102	Nguyễn Văn Kiên	1.150	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
73	103	Nguyễn Văn Ngọc	7.000	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
74	104	Nguyễn Văn Ngọc	6.550	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
75	105	Nguyễn Văn Tâm	10.525	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
76	107	Nguyễn Văn Âu	4.395	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
77	108	Nguyễn Đình Huy Phước	258.199	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
78	119	Ngô Thị Mỹ Hồng	25.413	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
79	120	Ngô Văn Tâm	23.656	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
80	124	Phan Thị Mỹ Linh	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
81	125	PHAN THI TUYET SION	8.885	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
82	126	Phan Trần Phương Thái	15.531	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
83	130	PHAM HOANG THAI	758.784	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
84	131	Phạm Hữu Dương	54.335	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
85	132	Phạm Ngọc Sinh	470.278	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
86	133	Phạm Phú Quốc	656	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
87	134	Phạm Thanh Bình	3.044.677	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
88	135	Phạm Thùy Hà	93.952	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
89	136	Phạm Thị Bích Phương	41.910	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
90	137	Phạm Thị Hương Sơn	34.744	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
91	141	Phạm Thị Thanh Vân	46.046	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
92	142	Phạm Thị Tuyết Mai	33	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
93	145	Quan Thanh Duy	12.394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
94	146	SON THI PHUONG	26.804	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1



STT	Mã số cổ đông	Họ và tên	Tổng số CP tham dự	Vấn đề													
				Vấn đề 1	Vấn đề 2	Vấn đề 3	Vấn đề 4	Vấn đề 5	Vấn đề 6	Vấn đề 7	Vấn đề 8	Vấn đề 9	Vấn đề 10	Vấn đề 11	Vấn đề 12	Vấn đề 13	
95	147	Trang Sĩ Đức	955,035	Báo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh 5 năm (2016-2020)	Đưa ra của Ban Giám Đốc về kết quả kinh doanh năm 2020 và phương hướng năm 2021	Báo cáo của Ban kiểm soát	Dự thảo về Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán	Đưa ra về sự đồng ý từ ủy ban hỏi năm 2020 và kế hoạch sự đồng ý năm 2021	Từ trình và phân phối lợi nhuận năm 2020	Từ trình và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020	Từ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	Từ trình về quyết toán thu lao của HĐQT và BKS năm 2020 và Kế hoạch trả thu lao năm 2021	Thông qua Dự thảo Điều lệ của Công Ty	Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty	Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT	
96	148	Trang Thị Ngọc Thu	44,491	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
97	140	Trần Thị Tâm	3,200	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
98	150	HƯƠNG HOANG NAM	345	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
99	152	TRƯƠNG THANH NHIỆM	104,033	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
100	154	TRẦN BÍCH NGỌC	104,347	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
101	155	TRẦN BÍCH THU	8,297	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
102	156	TRẦN BÍCH THUẬN	3,624	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
103	157	TRẦN MẠNH HÙNG	124,037	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
104	158	TRẦN QUANG MINH	12,991	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
105	164	TRẦN THỊ NHƯ'	1,246,752	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
106	167	TRẦN VĂN HÙNG	124,037	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
107	169	TRẦN VĂN THƯỜNG	4,046	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
108	170	TRẦN VĂN ỨT	10,575	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
109	173	TRẦN THỊ THUY TRANG	52,388	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
110	175	VŨ CHÍ TÂM	26,193	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
111	176	VŨ HỮU KIẾC	197,422	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
112	177	VŨ NGỌC HƯƠNG	12,394	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
113	178	VŨ PHƯƠNG LỢI	111,063	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
114	180	VŨ TẤN BẢO KHƯƠNG	17,005	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
115	183	VŨ NGUYỄN KIM HUYỀN	500	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
116	184	VŨ NGUYỄN KIM PHƯƠNG	603,515	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
117	187	VŨ VĂN HẢI	1,257,324	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
118	189	Bình Kim Nga	271,435	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
119	191	Bình Thị Thanh Nga	3,739	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
120	195	Bồ Trọng Hiếu	15,613	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
121	196	Công Đoàn Cơ Sứ CTY CPFBICH CHI	95,178	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
Tổng số cổ phần tham dự			20,989,110														
I. Tổng số cổ phần đăng ký				20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110	20,989,110
Tỷ lệ/Tổng số cổ phần tham dự				20,946,498	20,946,498	20,907,756	20,934,808	20,937,406	20,704,487	20,964,458	20,964,458	20,689,084	20,946,498	20,946,498	20,962,029	20,964,438	20,964,438
Tỷ lệ/Tổng số cổ phần không đăng ký				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ/Tổng số cổ phần không có ý kiến				42,612	42,612	81,354	54,302	51,704	284,623	24,652	24,652	300,026	42,612	42,612	27,081	24,652	24,652
Tỷ lệ/Tổng số cổ phần tham dự				0,20%	0,20%	0,39%	0,26%	0,25%	1,36%	0,12%	0,12%	1,43%	0,20%	0,20%	0,13%	0,12%	0,12%







**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
---o0o---

Sa đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2021



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Hôm nay, lúc 10 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi, Ban kiểm phiếu và Giám sát kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty gồm:

- Ông Trần Quang Minh - Trưởng Ban kiểm phiếu
- Ông Lê Trung Tín - Thành viên Ban kiểm phiếu
- Bà Phan Thị Tuyết Sương - Thành viên Ban kiểm phiếu

Kiểm tra phiếu biểu quyết của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu phát ra : 121 phiếu, đại diện 100 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội;
- Tổng số phiếu thu vào 121 phiếu;
  - o Số phiếu hợp lệ : 121 phiếu;
  - o Số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu;

**1. Báo cáo của HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020**

- o Đồng ý: 20.946.498 cổ phần ( 99,8 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến 42.612 cổ phần ( 0,2 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**2. Báo cáo của Ban Giám Đốc về kết quả SXKD năm 2020 và Phương hướng SXKD năm 2021**

- o Đồng ý: 20.946.498 cổ phần ( 99,8 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến 42612 cổ phần ( 0,2 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**3. Báo cáo của Ban kiểm soát**

- o Đồng ý: 20.907.756 cổ phần ( 99,61 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý 0 cổ phần ( 0 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến 81.345 cổ phần ( 0,39 % tổng số cổ phần tham dự Đại Hội)

**4. Tờ trình về Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

- o Đồng ý: 20.934.808 cổ phần ( 99,74 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)





- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 54302 cổ phần ( 0,26 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**5. Biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán**

- o Đồng ý: 20.937.406 cổ phần ( 99,75 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 51.704 cổ phần ( 0,25 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**6. Báo cáo về sử dụng Quỹ từ thiện xã hội năm 2020 và kế hoạch sử dụng quỹ từ thiện xã hội năm 2021**

- o Đồng ý: 20.704.487 cổ phần ( 98,64 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 284.623 cổ phần ( 1,36 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**7. Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2020**

- o Đồng ý: 20.964.458 cổ phần ( 99,88 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 24.652 cổ phần ( 0,12 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**8. Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020**

- o Đồng ý: 20.964.458 cổ phần ( 99,88 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 24.652 cổ phần ( 0,12 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**9. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021**

- o Đồng ý: 20.689.084 cổ phần ( 98,57 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 300.026 cổ phần ( 1,43 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**10. Tờ trình về quyết toán thù lao của HĐQT năm 2020 và kế hoạch trả thù năm 2021**

- o Đồng ý: 20.946.498 cổ phần ( 99,8 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không đồng ý: 0 cổ phần ( / % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
- o Không ý kiến: 42612 cổ phần ( 0,2 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội)



**11. Thông qua Dự thảo Điều lệ Công Ty**

o Đồng ý:	20.946.498	cổ phần (	99,8	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
o Không đồng ý:	0	cổ phần (	/	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
Không ý kiến	42.612	cổ phần (	0,2	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**12. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công Ty sửa đổi theo Quy chế mẫu của Bộ Tài chính năm 2021**

o Đồng ý:	20.962.029	cổ phần (	99,87	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
o Không đồng ý:	.0	cổ phần (	0	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
Không ý kiến	27.081	cổ phần (	0,13	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

**13. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

o Đồng ý:	20.964.458	cổ phần (	99,88	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
o Không đồng ý:	0	cổ phần (	/	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)
Không ý kiến	24.652	cổ phần (	0,12	% tổng số cổ phần tham dự Đại hội)

Việc kiểm phiếu hoàn tất vào lúc 11 giờ

Biên bản này được lập tại chỗ và được công bố công khai tại Đại hội.

Ban Kiểm phiếu bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa đại hội.

Trưởng ban

**BAN KIỂM PHIẾU**

Thành viên :



Trần Quang Minh

Lê Trung Tín

Phan Thị Tuyết Sương





Số : 03 /NQ-DHCB

Tp. Sa Đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

**Căn cứ:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi, ngày 28/4/2021;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 01. Báo cáo của Hội Đồng quản trị về kết quả công tác quản trị và lãnh đạo SXKD 5 năm (2016-2020)**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,8 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 02: Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 – phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,8 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 03. Báo cáo của Ban Kiểm soát**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,61% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 04: Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,74% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



**Điều 05. Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,75% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 06. Báo cáo về sử dụng Quỹ công tác xã hội từ thiện năm 2020 và kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi từ thiện xã hội năm 2021**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 98,64% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 07. Thông qua tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2020.**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,88% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 08. Thông qua tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,88% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 09. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 98,57% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 10. Thông qua tờ trình quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,8% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 11 . Thông qua tờ trình về dự thảo Điều lệ Công ty**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,8% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 12 . Thông qua tờ trình về dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,87% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

**Điều 13 . Thông qua tờ trình dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý 99,88% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội





**Điều 14 :** Đại Hội nhất trí thông qua kết quả trúng cử vào thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 , cụ thể như sau :

✓ 07 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 gồm :

Ông Phạm Thanh Bình

Ông Trang Sĩ Đức

Ông Mai Thế Khôi

Ông Bùi Văn Sáu

Ông Phạm Hoàng Thái

Ông Nguyễn Ngọc Tiểu

Bà Nguyễn Hương Liên

✓ 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 gồm :

Ông Trần Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy



**Điều 15.** Đại hội nhất trí giao cho HĐQT và Ban Giám đốc có trách nhiệm triển khai các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

**Điều 16.** Giao cho Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

*Nơi nhận:*

- HĐQT, BKS Công ty;
- Cổ đông;
- Lưu: VT, HĐQT.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA**



**MAI THẾ KHÔI**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

---000---

Số 04/HĐQT-BB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---000---

Sa Đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

**THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi
- Trụ sở chính : 45x1 - Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2 , thành phố Sa đéc, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : (0277) 3861 910 Fax: (0277) 3864 674
- Mã số doanh nghiệp : 1400371184 (số cũ 5103000002) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 12 năm 2000 và thay đổi lần thứ 19 vào ngày 28 tháng 08 năm 2020.
- Thời gian : 8 giờ 00 ngày 28 tháng 04 năm 2021
- Địa điểm : Văn phòng Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi

**PHẦN I**

**GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:**

Ông Nguyễn Ngọc Tiềm – Chức vụ: Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 29/03/2021, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi.
- Cổ đông tham dự Đại hội: 121 cổ đông và đại diện cổ đông (có mặt lúc 8h00), sở hữu và đại diện sở hữu cho 20.989.110 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,55 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

**2. Đại hội biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tọa:**

Ông Mai Thế Khôi	Chủ tịch HĐQT	Chủ tọa
Ông Phạm Thanh Bình	Thành viên HĐQT/Tổng Giám Đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tiềm	Thành viên HĐQT	Thành viên
Ông Bùi Văn Sáu	Thành viên HĐQT	Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

**3. Chủ tọa giới thiệu Ban thư ký:**

Bà Phạm Thị Tuyết Mai	Chức vụ: NV Công Ty	Thư ký ĐH
Bà Nguyễn Ngọc Liên Hoa	Chức vụ: NV Công Ty	Thư ký ĐH

**4. Đại hội biểu quyết thông qua Ban Kiểm Phiếu và Giám sát kiểm phiếu**

Ông Trần Quang Minh	Chức vụ: NV Công ty	- Trưởng Ban kiểm phiếu
Bà Phan Thị Tuyết Suong	Chức vụ: NV Công ty	- Thành viên Ban kiểm phiếu
Ông Lê Trung Tín	Chức vụ: NV Công ty	- Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Ban kiểm phiếu

Bà Phạm Ngọc Hiền Ngân	- Trưởng ban Giám sát kiểm phiếu
Ông Vũ Mạnh Tường	- Thành viên Ban Giám sát kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí không thông qua Ban Giám sát kiểm phiếu

**5. Thông qua Chương trình Đại hội**

Ông Mai Thế Khôi – Chủ tọa đoàn - trình bày nội dung chương trình tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

**6. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội**

Ông Mai Thế Khôi – Chủ tọa đoàn - trình bày nội dung Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc Đại hội.

## PHẦN II

### NỘI DUNG ĐẠI HỘI

**A. Các vấn đề cần thảo luận biểu quyết tại Đại hội :**

**Nội dung 01 :** Báo cáo của Hội Đồng quản trị về kết quả công tác quản trị và lãnh đạo SXKD 5 năm (2016-2020)

*Người trình bày:* Ông Mai Thế Khôi – Chủ tịch HĐQT

**Nội dung 02:** Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 – phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021

*Người trình bày:* Ông Phạm Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty;

**Nội dung 03:** Báo cáo của Ban Kiểm soát

**Nội dung 04:** Tờ trình về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

*Người trình bày:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty;



**Nội dung 05:** Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán

*Người trình bày:* Ông Phạm Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty;

**Nội dung 06:** Báo cáo về sử dụng Quỹ công tác xã hội từ thiện năm 2020 và kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi từ thiện xã hội năm 2021

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – Thành viên HĐQT

**Nội dung 07:** Thông qua tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2020

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT;

**Nội dung 08:** Thông qua tờ trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT

**Nội dung 09:** Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT

**Nội dung 10:** Thông qua tờ trình quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT

**Nội dung 11:** Thông qua tờ trình dự thảo Điều lệ Công Ty

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT;

**Nội dung 12:** Thông qua tờ trình về dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT

**Nội dung 13:** Thông qua tờ trình về dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT

*Người trình bày:* Ông Bùi Văn Sáu – thành viên HĐQT

## **B. TỔ CHỨC BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

1/- Số liệu liên quan đến cổ đông tham dự Đại hội trước khi tiến hành biểu quyết và bầu cử :

- ❖ Tổng số cổ đông tham dự là 121 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 20.989.110 cổ phần, chiếm 99,55 % tổng số có quyền biểu quyết, trong đó :
  - Cổ đông tham dự trực tiếp : 49 cổ đông, tương ứng 78 % cổ phần
  - Cổ đông ủy quyền : 72 cổ đông, tương ứng 22 % cổ phần

- ❖ Trước khi tiến hành bầu cử, Ông Mai Thế Khôi thay mặt HĐQT và Ban KS nhiệm kỳ 2016-2020 tuyên bố từ nhiệm .

Ông Trần Quang Minh, Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Thẻ lệ bầu cử , Danh sách ứng cử/đề cử .

### **PHẦN III**

- ❖ Chủ tọa Đại hội tiếp thu – giải đáp ý kiến trình bày của cổ đông trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết các vấn đề được trình bày tại đại hội và bỏ phiếu bầu cử



## Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ GIẢI ĐÁP CỦA ĐOÀN CHỦ TỌA

1. Cổ đông: Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Đề nghị ban tổ chức đại hội nên in và phát tài liệu đầy đủ cho từng cổ đông tham dự
- Về tốc độ tăng trưởng của công ty cao nên đời sống lao động được cải thiện
- Hy vọng hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới đồng thuận để đưa công ty ngày càng phát triển
- Đề nghị tăng mức thưởng các ngày lễ Tết cho lao động, có thể thưởng bằng cổ phiếu
- Nhờ có sự đóng góp của Ông Phạm Thanh Bình mà công ty ngày càng phát triển

### **Giải đáp:**

Ông. Mai Thế Khôi: Cảm ơn những thắc mắc và lời động viên của Ông Nguyễn Thành Hiếu. Hiện công ty đang quản trị và điều hành chưa tiên tiến như 1 số nơi khác, hứa hẹn hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới sẽ hoàn thiện hơn như in và phát tài liệu đầy đủ cho cổ đông. Nhằm cải thiện cơ sở vật chất phục vụ cho nhân viên, hiện công ty đã xây dựng nhà để xe cho nhân viên. Dựa vào tình hình sản xuất kinh doanh công ty đã tăng mức thưởng so với các năm trước.. Hội đồng quản trị mới sẽ cân nhắc về vấn đề cổ phiếu thưởng để mọi người có thể làm chủ sản phẩm mình làm ra.

2. Cổ đông: Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Công ty đã áp dụng mức chia cổ tức rất tốt nhưng phải cân nhắc vấn đề đầu tư
- Chính sách vay
- Quảng bá doanh nghiệp, chiến lược công ty trong phát triển thị trường nội địa
- Chính sách đào tạo nhân viên nâng cao năng suất lao động

### **Giải đáp:**

Ông Phạm Thanh Bình: Công ty đã đổi mới công nghệ, thiết bị, để sản phẩm luôn đạt chất lượng và nâng cao năng suất lao động. Sử dụng vốn vay hợp lý với mức lãi suất 2%/năm. Máy móc thiết bị đảm bảo cho sản xuất kinh doanh so với nhu cầu thị trường nên tạm dừng nhà máy Bích Chi 2. Cảm ơn những ý kiến đóng góp của Bà Nguyễn Thị Tuyết.

## PHẦN IV

### **BỘ BIỂU QUYẾT: CÁC VẤN ĐỀ TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN VÀ BẦU THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020-2025**

#### **A. Kết quả biểu quyết thông qua các vấn đề đã trình bày và thảo luận :**

Ông Trần Quang Minh, Trưởng ban kiểm phiếu, thông qua kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử :

#### **a/- Kết quả biểu quyết các vấn đề trình bày tại Đại hội:**

**Nội dung 01 : Báo cáo của Hội Đồng quản trị về kết quả công tác quản trị và lãnh đạo SXKD 5 năm (2016-2020)**

#### **➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.946.498	- Tỷ lệ: 99,8 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 42.612	- Tỷ lệ: 0,2% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua.



**Nội dung 02: Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 – phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021**

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.946.498	- Tỷ lệ: 99,8 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 42.612	- Tỷ lệ: 0,2% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua.

**Nội dung 03: Báo cáo của Ban Kiểm soát**

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.907.756	- Tỷ lệ: 99,61% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 81.354	- Tỷ lệ: 0,39% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua.

**Nội dung 04: Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát**

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.934.808	- Tỷ lệ: 99,74% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 54.302	- Tỷ lệ: 0,26% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua.

**Nội dung 05: Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán**

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.937.406	- Tỷ lệ: 99,75% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 51.704	- Tỷ lệ: 0,25% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua.

**Nội dung 06: Báo cáo về sử dụng Quỹ công tác xã hội từ thiện năm 2020 và kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi từ thiện xã hội năm 2021**

**Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.704.487	- Tỷ lệ: 98,64 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 284.623	- Tỷ lệ: 1,36 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua.

**Nội dung 07: Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020**

**➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.964.458	- Tỷ lệ: 99,88% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 24.652	- Tỷ lệ: 0,12 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua.

**Nội dung 08: Thông qua tờ trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2020**

**➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.964.458	- Tỷ lệ: 99,88 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 24.652	- Tỷ lệ: 0,12% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua.

**Nội dung 09: Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

**➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.689.084	- Tỷ lệ: 98,57 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 300.026	- Tỷ lệ: 1,43 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 9 đã được thông qua.



**Nội dung 10: Thông qua tờ trình quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021**

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.946.498	- Tỷ lệ: 99,8% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 42.612	- Tỷ lệ: 0,2 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0, % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua.

**Nội dung 11: Thông qua tờ trình dự thảo Điều lệ Công Ty**

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.946.498	- Tỷ lệ: 99,8% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 42.612	- Tỷ lệ: 0,2% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua.

**Nội dung 12: Thông qua tờ trình về dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.962.029	- Tỷ lệ: 99,87% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 27.081	- Tỷ lệ: 0,13 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua.

**Nội dung 13: Thông qua tờ trình về dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT**

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: 20.964.458	- Tỷ lệ: 99,88 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: 24.652	- Tỷ lệ: 0,12 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 13 đã được thông qua.

**b/-Kết quả bầu cử :**

- Ông Trần Quang Minh, Trưởng ban kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2021-2025 :

**+ HDQT :**

1/-Ô. Phạm Thanh Bình. (13,05%)  
2/-Ô. Trang Sĩ Đức. (12,79%)  
3/-Ô. Mai Thế Khôi (13,77%)  
4/-Ô. Bùi Văn Sáu (12,37%)  
5/-Ô. Phạm Hoàng Thái (12,48%)  
6/-Ô. Nguyễn Ngọc Tiêu (12,00%)  
7/-Bà. Nguyễn Hương Liên (12,73%)

**BKS**

1/- Bà. Nguyễn Thị Thu Thảo (31,96%)  
2/- Bà. Nguyễn Thị Thu Thủy (24,93%)  
3/- Ô. Trần Mạnh Hùng (21,35%)

**PHẦN V**

**THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

Bà Phạm Thị Tuyết Mai- Thư ký Đại hội, đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội kết thúc hồi 12 giờ 00 phút cùng ngày.

Tp. Sa Đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**TM. BAN THƯ KÝ**

  
Phạm Thị Tuyết Mai

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**  


**MAI THẾ KHÔI**

142





**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỶ 2021-2025  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Hôm nay, lúc 11 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại phòng họp Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi, Ban kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông CTy cổ phần thực phẩm BÍCH CHÌ gồm:

- Ông : Trần Quang Minh - Trưởng ban
- Ông : Lê Trung Tín - Thành viên
- Bà: Phan Thị Tuyết Sương - Thành viên
- Ông/ Bà: - Giám sát kiểm phiếu

đã kiểm tra:

a/- Phiếu bầu Hội Đồng quản trị của Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHÌ với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 121 phiếu, đại diện 100% tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu thu vào: 121 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 120 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 1 phiếu

b/- Phiếu bầu Ban Kiểm soát của Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHÌ với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 121 phiếu, đại diện 100% tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Tổng số phiếu thu vào: 121 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 121 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

A. Kết quả danh sách trúng cử vào Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	% Số phiếu bầu/tổng số phiếu tham dự đại hội	Kết quả(trúng cử hoặc không trúng cử)
1	Phạm Thanh Bình	19.169.714	13,05	Trúng cử
2	Trang Sĩ Đức	18.784.391	12,79	Trúng cử
3	Nguyễn Hương Liên	18.708.567	12,73	Trúng cử
4	Mai Thế Khôi	20.230.528	13,77	Trúng cử
5	Bùi Văn Sáu	18.172.978	12,37	Trúng cử
6	Phạm Ngọc Sinh	15.839.796	10,78	
7	Phạm Hoàng Thái	18.330.628	12,48	Trúng cử
8	Nguyễn Ngọc Tiểu	17.624.840	12,00	Trúng cử

B. Kết quả danh sách trúng cử vào Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	% Số phiếu bầu/tổng số phiếu tham dự đại hội	Kết quả(trúng cử hoặc không trúng cử)
1	Trần Mạnh Hùng	13.443.232	21,35	Trúng cử
2	Nguyễn Thành Nhân	785.890	1,25	
3	Trương Thánh Nhiệm	12.905.597	20,50	
4	Nguyễn Thị Thu Thảo	20.122.308	31,96	Trúng cử
5	Nguyễn Thị Thu Thủy	15.700.129	24,93	Trúng cử

Biên bản lập xong lúc 11 giờ 30 phút ngày 28 tháng 04 năm 2021 và đã được thông qua công khai trước Đại hội. Toàn bộ phiếu bầu và Biên bản được giao lại Chủ tọa Đại hội,

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN

**BAN KIỂM PHIẾU**

Trưởng ban

Phan Thị Tuyết Sương

Lê Trung Tín

Trần Quang Minh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP THỰC PHẨM BÍCH CHI**

**VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH**

**NHIỆM KỲ 2016-2020**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty**

**1. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020**

- 1.1. Kết thúc năm 2020, Bích Chi ghi nhận doanh thu thuần đạt 592 tỷ đồng (tăng trưởng 12%) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 93 tỷ đồng (tăng trưởng 43%). Trong đó, doanh thu xuất khẩu: 388 tỷ tăng trưởng 15% và chiếm 66% doanh thu, doanh thu nội địa: 203 tỷ tăng trưởng 5% và chiếm 34% doanh thu;
- 1.2. Công ty kinh doanh đạt hiệu quả cao, cụ thể biên lợi nhuận trước thuế đạt 20% (tăng 4%) và chỉ số ROE đạt 34% (tăng 5%). Cổ tức dự kiến 40% cao hơn so với 2019 là 30%;
- 1.3. Về tài chính, Bích Chi khá 'khỏe mạnh', cụ thể tỷ lệ nợ vay/VCSH (D/E) tiếp tục được giữ vững ở mức thấp 15%, dư tiền đạt 121 tỷ đồng (tăng 87%) mức cao nhất từ trước đến nay và Công ty tiếp tục kiên định với chính sách không đi vay dài hạn;
- 1.4. Về thu nhập bình quân của người lao động được cải thiện và cao hơn năm 2019 là 23%, đạt 8.6 triệu đồng/người/tháng so với 7.0 triệu đồng/người/tháng;
- 1.5. Công ty đã hoàn tất niêm yết cổ phiếu trên SGDCK Hà Nội (Sàn HNX);
- 1.6. Với kết quả trên, trong một năm 2020 với nhiều thách thức ảnh hưởng không chỉ kinh tế thế giới mà cả Việt Nam, Bích Chi đã hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra cho doanh thu và LNTT cả năm lần lượt là 12% và 46%. Bích Chi tiếp tục giữ vị thế là một trong những công ty thực phẩm hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bánh phồng tôm, sản phẩm giá trị cao từ gạo và bột.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực tế 2020	KH 2020	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2019	Tốc độ tăng trưởng
Doanh thu thuần	tỷ đồng	592	500 - 560	112%	530	12%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	117	70 - 90	146%	82	42%
Thu nhập bình quân	triệu đồng/ng./th.	8.6	7 - 8	115%	7.0	23%
Cổ tức	%	40%	25 - 30%	145%	30%	33%

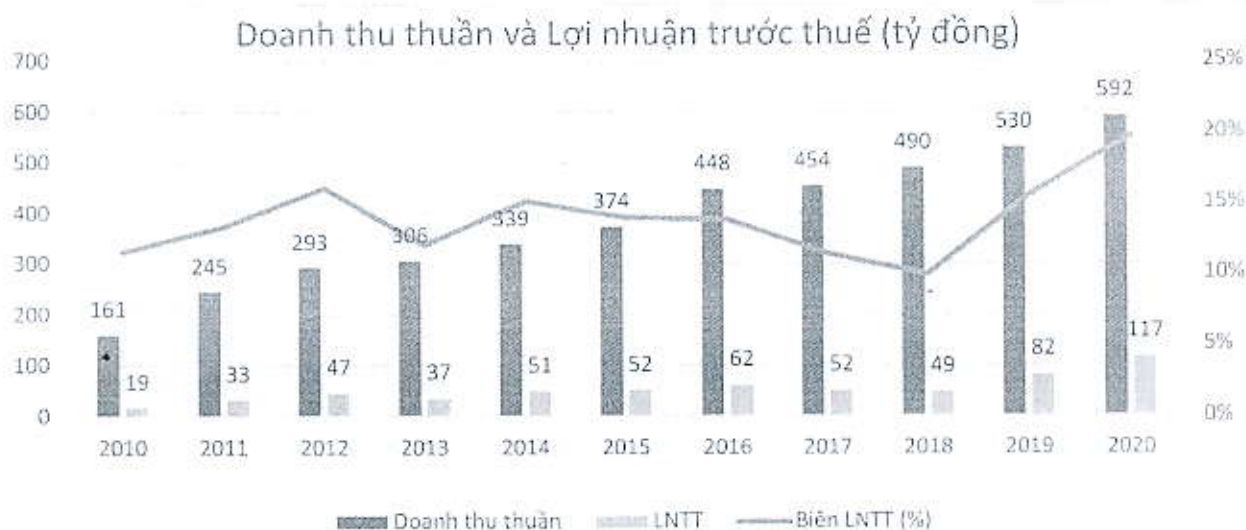
Chi tiết Báo cáo tài chính 2020 đã được đăng tải trên website của Công ty: <http://www.bichchi.com.vn/>



## 2. Đánh giá hoạt động 05 năm nhiệm kỳ 2016-2020:

Công ty đã đạt được các kết quả sau (tại 31/12/2020):

- 2.1. **Tổng tài sản:** 394 tỷ đồng, tăng 170 tỷ đồng tương ứng 76% so với năm 2015 (224 tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng kép hằng năm (CAGR) đạt 12%/năm, bằng phân nửa so giai đoạn 2011-2015: 24%
- 2.2. **Vốn chủ sở hữu:** 275 tỷ đồng (VDL: 211 tỷ đồng), tăng 155 tỷ đồng tương ứng 129% so với năm 2015: 120 tỷ đồng (VDL: 101 tỷ đồng). CAGR đạt 18%/năm, giảm 1% so với giai đoạn 2011-2015: 19%/năm
- 2.3. **Doanh thu thuần:** 592 tỷ đồng, tăng 218 tỷ đồng tương ứng 58% so với 2015: 374 tỷ đồng. CAGR: 10%/năm so với giai đoạn 2011-2015: 18%/năm
- 2.4. **Lợi nhuận trước thuế:** 117 tỷ đồng, tăng 64 tỷ đồng, tương ứng 123% so với 2015: 52 tỷ đồng. CAGR: 17%/năm so với gian đoạn 2011-2015: 23%/năm
- 2.5. **Tỷ lệ trả cổ tức bình quân:** 32%/năm so với gian đoạn 2011-2015: 38%/năm, giảm 6%. Tuy nhiên, VDL tăng hơn gấp đôi (xem 2.2.), tổng số tiền cổ tức thực chi cao hơn gần 3 lần, cụ thể giai đoạn 2016-20 chi: 257 tỷ đồng so với 2011-15: 92 tỷ đồng.



### 3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020:

#### Các buổi họp của Hội đồng Quản Trị (“HDQT”)

Stt	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Mai Thế Khôi	12	100%
2	Phạm Thanh Bình	12	100%
3	Trang Sĩ Đức	12	100%
4	Bùi Văn Sáu	12	100%
5	Nguyễn Ngọc Tiểu	12	100%
6	Phạm Hoàng Thái	12	100%
7	Nguyễn Hương Liên	10	83%

Thông qua các cuộc họp HDQT định kỳ hằng tháng, HDQT đã trao đổi, thống nhất và ban hành các nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HDQT	19/02/2020	- Quyết định của HDQT về việc xử lý số liệu kiểm kê năm 2019
2	02/NQ-HDQT	20/02/2020	- Nghị quyết của HDQT v/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26/4/2020.
3	04/HĐQT-QĐ	12/3/2020	- Quyết định của HDQT bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
4	05/NQ-HDQT	19/3/2020	- Quyết định của HDQT v/v gia hạn ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	06/NQ-HDQT	21/4/2020	- Nghị quyết của HDQT v/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên bằng hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
6	09A/NQ-HDQT	12/5/2020	- Nghị quyết của HDQT v/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 19/6/2020.
7	11/NQ-ĐHĐCĐ	01/6/2020	- Nghị quyết ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản thông qua việc bổ sung Quy chế hướng dẫn tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử vào Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
8	13/NQ-ĐHĐCĐ	19/6/2020	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
9	14/NQ-HDQT	22/6/2020	- Nghị quyết của HDQT triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2019.
10	15/NQ-HDQT	26/6/2020	- Nghị quyết của HDQT v/v tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2020.





TP.Sa Đéc, ngày 28 tháng 04 năm 2021

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

### **I. Những đặc điểm nổi bật trong năm 2020 :**

- 1/- Năm 2020 là năm xuất hiện dịch Covid 19 – dịch bệnh xuất phát từ Trung quốc .
- Trung quốc là nước có chung đường biên giới với Việt Nam , có chiều dài biên giới trên một ngàn km . Nhân dân biên giới có tập quán đi lại buôn bán và làm ăn , vì vậy dịch bệnh có nguy cơ lây sang nước ta .
  - Ngay từ tháng đầu năm ở nước ta đã xuất hiện 02 ca nhiễm Covid 19 được điều trị tại bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh .
  - Covid 19 là loại dịch lạ mới xuất hiện, thời điểm đó chúng ta chưa có phác đồ để điều trị , chưa có vacxin phòng ngừa .
- 2/- Bệnh dịch nhanh chóng lan ra các nước trên thế giới , tạo ra giãn cách xã hội , gây khó khăn cho phát triển kinh tế trong nước và trên thế giới .

Từ đặc điểm trên, sản xuất kinh doanh của Công Ty CP thực phẩm Bích Chi năm 2020 có các thuận lợi và khó khăn như sau :

### **II. Những thuận lợi, khó khăn năm 2020 :**

#### **A. Thuận lợi :**

Từ đặc điểm của tình hình dịch bệnh Covid 19, chúng ta vẫn tìm được cơ hội cho Công ty như sau :

1/- Do dịch Covid, nhiều doanh nghiệp phải đình trệ sản xuất, nhất là công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, các tỉnh, thành phố khác phải tạm nghỉ việc– lao động sau Tết dư thừa . Đây là cơ hội quý hơn vàng cho Công Ty CPTP Bích Chi , vì trong nhiều năm nay chúng ta luôn thiếu lao động.

- Năm được cơ hội này chúng ta đã kịp thời tuyển dụng bổ sung thêm lao động , đặc biệt là lao động có tay nghề (Năm 2020 ta bổ sung trên 200 lao động) .

2/- Do dịch Covid 19, nhiều nơi cách ly, tạo sự giãn cách ở hầu hết các nước , tạo tâm lý thu gom, sử dụng nhiều loại lương thực-thực phẩm chế biến, làm tăng cầu, tạo sức hút trên thị trường ; Vì vậy các sản phẩm sản xuất tại Bích Chi bán chạy , có lúc chúng ta cung cấp không kịp cho các hệ thống siêu thị - Do đó năm 2020 doanh thu cả xuất khẩu và nội địa đều tăng .





3/- Do tác dụng của Covid 19, buôn bán giữa nước ta và Trung quốc giai đoạn đầu đình trệ - Bột khoai mì không xuất được – đây là nguyên liệu chủ yếu cho sản xuất bánh phồng tôm – giữ được giá tương đối ổn định trong năm qua . Vì vậy chúng ta giữ được giá bán , giữ được khách hàng và thị trường xuất khẩu .

### **B. Khó khăn :**

Dịch Covid 19 kéo dài cả năm 2020 và có nguy cơ kéo dài sang năm 2021 , gây ra rất nhiều khó khăn cho kinh tế Việt Nam và trên toàn thế giới .

Đối với Công Ty CP thực phẩm Bích Chi chúng ta có các khó khăn như sau :

1/- Giá nguyên liệu luôn leo thang và không có điểm dừng .

- Do đặc điểm các sản phẩm của Bích Chi được chế biến từ gạo, các loại hạt ngũ cốc và tinh bột khoai mì ... Giá nguyên liệu tăng liên tục, có loại trong năm tăng trên 50% , làm tác động nhiều đến giá thành sản phẩm .

2/- Thị trường tiêu thụ các tháng cuối năm gặp khó khăn :

- Đặc điểm nổi bật là việc vận chuyển hàng hóa các nước trên thế giới bị ngưng trệ- không có tàu vận chuyển , thiếu container chứa hàng .  
- Nhiều mặt hàng sản xuất phải để tồn kho từ 02 đến 03 tháng .  
- Đến nay hàng tồn kho do chưa có tàu vận chuyển lên đến vài trăm tấn .  
Tạo sức ép phải xây thêm kho chứa hàng . Năm 2020 Công ty phải xây dựng tăng thêm trên 600m<sup>2</sup> kho phục vụ cho sản xuất .

3/- Do dịch Covid 19 đã tạo ra tâm lý căng thẳng kéo dài . Ngoài việc phải duy trì tốt quy định 5K của Bộ Y Tế, công nhân luôn khó khăn do việc giãn cách toàn xã hội trong một số công việc cụ thể như :

- Chăm sóc người thân trong gia đình tại bệnh viện .
- Đi thăm bà con xa .
- Đi du lịch cùng gia đình, người thân v.v...

Nhiều trường hợp Công Ty phải cho công nhân tự cách ly tại nhà 14 ngày sau những ngày phải đi về thăm gia đình từ vùng dịch .

- Tâm lý này tiếp tục căng thẳng sang năm 2021 .

## **II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 :**



## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>600,148,438,421</b>	<b>538,990,953,014</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	8,506,460,247	8,575,714,620
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>591,641,978,174</b>	<b>530,415,238,394</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>418,653,081,021</b>	<b>385,680,287,669</b>
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>172,988,897,153</b>	<b>144,734,950,725</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	7,597,320,832	3,272,342,433
Chi phí tài chính	1,497,028,712	2,189,055,440
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>832,132,250</i>	<i>1,497,040,263</i>
Chi phí bán hàng	39,646,950,178	38,072,845,201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,636,325,752	22,651,754,436
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>115,805,913,343</b>	<b>85,093,638,081</b>
Thu nhập khác	1,862,189,549	1,290,072,073
Chi phí khác	1,146,281,326	4,088,495,448
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>715,908,223</b>	<b>(2,798,423,375)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>116,521,821,566</b>	<b>82,295,214,706</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23,542,518,831	17,406,721,173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>92,979,302,735</b>	<b>64,888,493,533</b>



### III. Những bài học kinh nghiệm của năm 2020 :

1/- Trong khó khăn chung của toàn xã hội , phải tìm cho được các cơ hội của riêng Công ty mình, để từ đó khai thác triệt để các cơ hội đó để đưa Công ty đi lên .

Ví dụ, Năm 2020 , người công nhân đang đứng trước khó khăn không có việc làm , nhưng đây là cơ hội của Bích Chi.

- Khi chúng ta tăng thêm lực lượng lao động, tạo ra tâm lý bớt căng thẳng về thiếu nhân công – giảm được cường độ cho người lao động – tạo ra năng suất lao động cao hơn , giữ gìn sức khỏe cho người công nhân làm việc lâu dài gắn bó với Công ty.

2/- Luôn luôn cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao năng suất lao động .

3/- Đầu tư thiết bị mới , dần dần cơ khí hóa và tự động hóa để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4/- Sử dụng nguyên liệu hợp lý để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tạo ra lợi nhuận trong quá trình sản xuất .

5/- Quản lý chặt chẽ quy trình công nghệ , thực hiện tốt các bước vệ sinh an toàn thực phẩm . Kiên quyết áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cao như : HACCP, FSSC 22000, BRC..... để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu .

# PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021

## I. Nhân định tình hình năm 2021 :

### 1/- Về dịch Covid-19 :

Năm 2021 Việt Nam và thế giới đã chế tạo được vaccine , nhưng thực tế vẫn còn lâu dài mới có thể khống chế được dịch .

Việt Nam ngay các tháng đầu năm đã có hàng chục địa phương phải cách ly, giãn cách vì dịch .

Vì vậy không được mất cảnh giác và chủ quan với dịch bệnh .

### 2/- Nguyên liệu cho sản xuất vẫn tăng không có điểm dừng :

- Giá bột và gạo vẫn tăng từ 20→50% so với cùng kỳ năm trước .
- Các nhà cung cấp bao bì đều yêu cầu tăng giá lên từ 5→10%

3/- Thị trường xuất khẩu vẫn còn tắc nghẽn do thiếu tàu vận chuyển và giá vận chuyển cũng tăng lên từ 2 đến 3 lần .

4/- Tâm lý căng thẳng sợ sệt vẫn còn bao trùm lên toàn xã hội, trong đó có công nhân của Bích Chi .

Từ các tình hình trên, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau :

### 2/- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 :

Tổng doanh thu	:	605 tỷ → 615 tỷ
Tổng lợi nhuận trước thuế	:	100 tỷ → 110 tỷ
Thuế TNDN	:	20 tỷ → 22 tỷ
Thu nhập b/q của người lao động	:	7,5 → 8,5 triệu đồng/tháng
Cổ tức năm 2021	:	25% → 30%

### 3/- Phương pháp tổ chức thực hiện :

Từ 5 bài học, kinh nghiệm của năm 2020 ,

Năm 2021 thực hiện các biện pháp như sau :

1/- Xác định yếu tố người lao động là nhân tố quyết định đến kết quả sản xuất kinh doanh , vì vậy năm 2021 cần làm tốt các nội dung như sau :





❖ Đầu tư kỹ thuật để tăng năng suất lao động , tăng thu nhập cho người lao động.

❖ Tạo mọi điều kiện để các tổ chức, đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh hoạt động tốt để động viên cuộc sống tinh thần cho CB.CNV.

Chăm lo đến hoàn cảnh riêng tư của người lao động như cưới xin, ma chay, động viên con em người lao động học giỏi, tặng quà cho học sinh giỏi hàng năm .

❖ Tham gia đóng bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật .

2/- Tiếp tục đầu tư đổi mới máy móc-thiết bị, tạo mọi điều kiện để tăng năng suất lao động, làm tốt công tác an toàn vệ sinh thực phẩm .

3/- Thực hiện quy trình sản xuất tuần hoàn :

-Tận dụng các phế phẩm để tạo ra sản phẩm mới .

-Tăng cường công tác quản lý sản xuất, giảm tỷ lệ hàng hỏng xuống mức thấp nhất .

-Tìm mọi biện pháp để hạ giá thành sản phẩm , tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

4/- Làm tốt công tác bảo vệ môi trường – Tạo môi trường sống thân thiện với cộng đồng dân cư địa phương – Giữ gìn sức khỏe cho người lao động .

5/- Tham gia công tác xã hội từ thiện để tham gia cùng cộng đồng, cùng Nhà nước khắc phục thiên tai, lũ lụt hàng năm . Cùng cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội 13 của Đảng đề ra ./.

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua.





Sa Đéc, ngày 03 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(V/v : Thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động của Công Ty trong năm 2020)

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công Ty CP Thực Phẩm Bích Chi.
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công Ty.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam, thành viên tập đoàn PKF quốc tế.

Theo chức năng, nhiệm vụ và thực hiện quyền hạn của BKS đã được quy định trong luật và Điều lệ của Công Ty, trong năm 2020 BKS đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

**I / Hoạt động của Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Nguyễn Thị Thu Thảo : Trưởng ban
- Nguyễn Thị Thu Thủy: Thành viên
- Trần Mạnh Hùng : Thành viên

Năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động trong việc quản lý, điều hành toàn bộ sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Công ty cổ phần thực phẩm Bích chi. Cụ thể như sau :

1. Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch.
2. Hàng tháng Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các buổi làm việc của Ban Tổng giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm BKS họp định kỳ 4 lần để kiểm tra giám sát quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư theo chiến lược phù hợp với nền kinh tế hiện nay.
3. Xem xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2020 trước và sau khi kiểm toán.
4. Ban kiểm soát nhận được đầy đủ các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban Tổng GD về việc thực hiện các định hướng nghị quyết của Đại hội cổ đông.
5. Xem xét báo cáo kiểm toán, do công ty kiểm toán độc lập phát hành.

**II/ Kết quả kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc điều hành với các nội dung:**

- Việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc quản lý, điều hành công ty luôn phối hợp chặt chẽ.
- Việc triệu tập, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng quy định của Pháp luật.
- Việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Pháp luật được BKS đánh giá là kịp thời, đúng luật. Việc triệu tập và tổ chức các cuộc họp của HĐQT đúng quy định. Nội dung





các cuộc họp cũng như nghị quyết của HĐQT ban hành đều bám sát vào tình hình thực tế của hoạt động kinh doanh, đảm bảo tính kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- HĐQT và Ban TGD thực hiện nghiêm túc các quy định của luật Doanh Nghiệp, luật chứng khoán, luật thuế, luật lao động...đối với Công ty cổ phần.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn được sự phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, Ban TGD trên tinh thần khách quan, minh bạch và tôn trọng lẫn nhau.

### **III/ Tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty năm 2020:**

BKS đánh giá cao sự nỗ lực của HĐQT và Ban TGD trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ngoài việc không ngừng quảng bá thương hiệu, củng cố và mở rộng thị trường, thường xuyên cải tiến chất lượng sản phẩm, cho ra các sản phẩm mới( kẹo gạo lứt đậu phộng, trà gạo lứt tim sen, nui, ống ống hút gạo, bánh snack...) đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đa dạng hóa sản phẩm trong khả năng và nguồn nguyên liệu, cũng như máy móc hiện có tận dụng tối đa công suất thiết bị.

HĐQT và Ban TGD điều hành còn đề ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, nguyên liệu, năng lượng nhất là giảm thiểu tối đa phế phẩm, phế liệu nhằm tăng tỷ lệ thu hồi thành phẩm, tối ưu hóa lợi nhuận.

Xây dựng và đổi mới thường xuyên chính sách tăng Lương, thưởng ... để phù hợp với tình hình đời sống thực tế của công nhân viên tại đại phương cũng như khuyến khích người lao động cống hiến và gồng bó lâu dài với công ty nhằm mang lại hiệu quả cao (trong tình hình khó khăn chung về dịch bệnh trong nước và ảnh hưởng nặng nề của thế giới).

### **IV/ Kết quả Giám sát về tình hình tài chính năm 2020:**

Ban kiểm soát đã nhận được Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 trên cơ sở kiểm tra số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, thành viên tập đoàn PKF Quốc tế.

Trong năm 2020, Bích Chi đã lập báo cáo tài chính, tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Số liệu báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kế toán của Bích Chi.
- Báo cáo tài chính của Bích Chi đã được lập đúng quy định, đầy đủ, kịp thời các thông tin về tình hình tài chính, được công bố minh bạch nhằm đáp ứng yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>316,062,055,986</b>	<b>228,849,013,383</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	53,750,514,408	57,395,996,545
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	109,450,000,000	39,389,246,575
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61,622,762,959	61,517,082,345
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54,910,165,587	56,646,798,599
Hàng tồn kho	141	5.7	89,012,561,216	67,797,446,789
Tài sản ngắn hạn khác	150		2,226,217,403	2,749,241,129
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>77,701,792,753</b>	<b>87,923,323,590</b>
Tài sản cố định	220		57,085,226,838	67,763,834,961
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	7,500,397,215	7,892,147,846
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	11,314,341,636	11,109,341,636
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	1,801,827,064	1,157,999,147
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>393,763,848,739</b>	<b>316,772,336,973</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			<b>119,052,503,255</b>	<b>92,697,838,724</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210,837,250,000	183,337,360,000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8,302,422,268	1,402,422,268
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1,680,130,939	1,680,130,939
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53,891,542,277	37,654,585,042
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>393,763,848,739</b>	<b>316,772,336,973</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			2020	2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1.1</b>	<b>600,148,438,421</b>	<b>538,990,953,014</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.2	8,506,460,247	8,575,714,620
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>591,641,978,174</b>	<b>530,415,238,394</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>418,653,081,021</b>	<b>385,680,287,669</b>
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		172,988,897,153	144,734,950,725
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7,597,320,832	3,272,342,433
Chi phí tài chính	22	6.4	1,497,028,712	2,189,055,440
Chi phí bán hàng	25	6.5	39,646,950,178	38,072,845,201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23,636,325,752	22,651,754,436
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>115,805,913,343</b>	<b>85,093,638,081</b>
Thu nhập khác	31	6.7	1,862,189,549	1,290,072,073
Chi phí khác	32	6.8	1,146,281,326	4,088,495,448
Lợi nhuận khác	40		715,908,223	(2,798,423,375)



<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>116,521,821,566</b>	<b>82,295,214,706</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	23,542,518,831	17,406,721,173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>92,979,302,735</b>	<b>64,888,493,533</b>

**V/ Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban TGD:**

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT VÀ Ban TGD trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh, đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.
- Lãnh đạo Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin. Ban kiểm soát cũng được cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, biên bản liên quan đến nội dung các cuộc họp của HĐQT.

**VI/ Kiến nghị:**

- Công ty tiếp tục nghiên cứu và phát triển thêm sản phẩm mới vào thị trường tiêu thụ, ổn định chất lượng sản phẩm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng mạng lưới Nhà phân phối trong và ngoài nước để tăng doanh thu bán hàng.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bích Chi.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp !

**TM BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng Ban**



Nguyễn Thị Thu Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

-----oOo-----

Sa Đéc, ngày 28 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO

### SỬ DỤNG QUỸ TỪ THIỆN XÃ HỘI NĂM 2020

### VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG QUỸ TỪ THIỆN XÃ HỘI NĂM 2021

Kính thưa Đại Hội!

Đầu năm 2020 số dư của quỹ từ thiện xã hội là: 654.260.044đ

Trong năm 2020 đã sử dụng là: 174.836.621đ

Còn lại: 479.423.423đ

#### **Kế hoạch năm 2021**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thanh gia đóng góp thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo địa phương.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép trích từ lợi nhuận số tiền hàng năm là 500.000.000 đồng để làm quỹ từ thiện xã hội. Kết quả thực hiện sẽ được báo cáo trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



*Mai Thế Khôi*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Số: 02/HDQT.TTr

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Tp.Sa Đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

V/v Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 CTCP Thực phẩm Bích Chi

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Thực phẩm Bích Chi.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được Công Ty kiểm toán AFC tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi công bố theo quy định, đồng thời được tải trên website [www.bichchi.com.vn](http://www.bichchi.com.vn), bao gồm:

- (1) Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập.
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
- (3) Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
- (4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính

**I. Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	393.763.848.739
2	Vốn chủ sở hữu	274.711.345.484
2.1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	210.837.250.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần	-
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	8.302.422.268
2.4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.680.130.939
2.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53.891.542.277
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.704.695.042
	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	52.186.847.235
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	591.641.978.174
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116.521.821.566

II. Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	393.763.848.739
2	Vốn chủ sở hữu	274.711.345.484
2.1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	210.837.250.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần	-
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	8.302.422.268
2.4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.680.130.939
2.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> - <i>Lợi nhuận chưa phân phối năm nay</i>	53.891.542.277 1.704.695.042 52.186.847.235
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	591.641.978.174
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116.521.821.566

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



MAI THẾ KHÔI



## TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

<b><u>I/ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TNDN 2020:</u></b>	<b><u>116.521.821.566</u></b>
- Trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	23.542.518.831
<b><u>II/ LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP 2020:</u></b>	<b><u>92.979.302.735</u></b>
1/ Phân phối lợi nhuận năm 2020	
Dự kiến chia cổ tức cả năm là 40%	
- Chi đợt 01 bằng tiền mặt 5% (Đã thực hiện)	10.541.862.500
- Chi đợt 02 bằng tiền mặt 15% (Đã thực hiện)	31.625.587.500
- Chi đợt 03 (bằng cổ phiếu) 20% (Dự kiến)	42.167.450.000
<b>Tổng chi cổ tức năm 2020</b>	<b>84.334.900.000</b>
Lợi nhuận còn lại sau khi chi cổ tức:	8.644.402.735
2/ Trích lập quỹ công tác xã hội từ thiện năm 2020	500.000.000
3/ Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2020	4.000.000.000
<b>Tổng lợi nhuận năm 2020 còn lại</b>	<b><u>4.144.402.735</u></b>

Trân trọng kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



MAI THẾ KHÔI

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Số 04 /HDQT-TTr

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Tp. Sa Đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

*V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021*

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 CTCP Thực phẩm Bích Chi

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi.

Để tạo điều kiện cho việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 đạt hiệu quả cao nhất, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê chuẩn 01 trong 05 Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young
2. Công ty TNHH KPMG
3. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Vietnam)
4. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
5. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HDQT;
- Lưu TK HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**MAI THẾ KHÔI**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Số 05/HDQT.TT

**TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU  
TRẢ CỔ TỨC ĐỢT 3 NĂM 2020**

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 ;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Thông Tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán; chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ;
- Căn cứ Điều lệ Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHI ,

Hội Đồng quản trị Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHI kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Phương án phát hành cổ phiếu và niêm yết cổ phiếu . Cụ thể như sau :

**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỀ TRẢ CỔ TỨC ĐỢT 3 NĂM 2020 :**

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi
2. Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 21.083.725 cổ phiếu
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 21.083.725 cổ phiếu
6. Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành theo mệnh giá : 210.837.250.000 đồng
6. Tổng số cổ phiếu quỹ : 0
- 6- Đối tượng phát hành : cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng .
- 7/- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 4.216.745 cổ phiếu
- 8/- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 42.167.450.000 đồng

9/- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 20%

Tỷ lệ này có nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cứ 100 quyền sẽ được nhận được 20 cổ phiếu mới phát hành .

10/- Tỷ lệ thực hiện quyền : (Số lượng cổ phiếu cổ đông được quyền nhận/tổng số cổ phiếu cổ đông sở hữu) : 20% .

11. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ hủy bỏ và không phát hành .

Ví dụ : Cổ đông A sở hữu 20.739 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông . Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:20, cổ đông A sẽ nhận thêm 4147,8 cổ phiếu mới . Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ hủy bỏ và không phát hành . Như vậy cổ đông A sẽ nhận thêm 4147 cổ phiếu mới.

12. Nguồn vốn phát hành :

Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31.12.2020, căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán .

13. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : **253.004.700.000 đồng**

14. Thời điểm phát hành : Trong năm 2021 , sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và Ủy Ban chứng khoán nhà nước chấp thuận .

15. Lưu ký và niêm yết bổ sung : Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế theo Phương án đã nêu trên (số lượng cụ thể cổ phần phát hành thêm được xác định trong Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước sau khi đợt phát hành kết thúc) sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội và lưu ký bổ sung tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán sau khi kết thúc đợt phát hành .

## II. ỦY QUYỀN :

Hội Đồng quản trị Công Ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị :

+ Thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật .

+ Thực hiện thủ tục cần thiết liên quan đến việc niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thực tế trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội và lưu ký bổ sung tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán sau khi kết thúc đợt phát hành .

+ Thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ , sửa đổi Điều khoản quy định về mức vốn Điều lệ trong Điều lệ Công ty; Sửa đổi bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty sau khi việc phát hành hoàn tất.

+ Tiến hành các thủ tục liên quan đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp.

Trân trọng ,

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Mai Thế Khôi

Nơi nhận :

-Như trên

-Lưu VT



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHÌ**

Số:CG/HĐQT.TT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Tp. Sa Đéc, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

*V/v Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020  
và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021*

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 CTCP Thực phẩm Bích Chi

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ vào việc đóng góp của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Căn cứ vào mức chi trả thù lao năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021 như sau:

Chức vụ		Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
		Số tiền (đồng/tháng)	
Chủ tịch HĐQT	Thù lao	5.000.000	5.000.000
Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao	4.500.000	4.500.000
Thành viên HĐQT	Thù lao	4.000.000	4.000.000
Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	4.000.000	4.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao	3.000.000	3.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu TK HĐQT.



**MAI THẾ KHÔI**

TP.Sa Đéc, Ngày tháng 4 năm 2021

**THẺ LỆ BẦU CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT  
NHIỆM KỲ (2021 – 2025)**

**Kính gửi: Quý Cổ đông.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ;
- Căn cứ Điều lệ của Công Ty cổ phần thực phẩm BICH CHI .

Để việc bầu cử Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ (2021 – 2025) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và thực hiện đúng nguyên tắc công bằng, công khai, dân chủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua “Thẻ lệ bầu cử thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ (2021 – 2025)”, cụ thể như sau:

**1. Phiếu bầu cử.**

- Phiếu bầu cử thành viên HDQT và BKS được in sẵn họ tên các ứng cử viên, sắp xếp theo thứ tự ABC và có đóng dấu treo của Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm BÍCH CHÌ ở góc trái phía trên phiếu bầu.
- Trên phiếu có in họ tên Cổ đông, mã số Cổ đông (nếu có), số cổ phần sở hữu, tổng số phiếu bầu.
- Mỗi Cổ đông sẽ được phát hai phiếu bầu gồm phiếu bầu thành viên HDQT và phiếu bầu BKS.

**2. Nguyên tắc bầu cử thành viên HDQT và BKS.**

Việc biểu quyết bầu thành viên HDQT và BKS được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có *tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên* được bầu của HDQT và BKS. Cụ thể như sau:

**2.1. Số lượng thành viên được bầu vào HDQT, BKS nhiệm kỳ (2021 – 2025):**

Ví dụ :- Số lượng thành viên HDQT: 07 người.

- Số lượng thành viên BKS: 03 người.

**2.2. Số phiếu bầu của Cổ đông được tính như sau:**

- Số phiếu bầu thành viên HDQT: là số cổ phần sở hữu của Cổ đông nhân với 07 thành viên HDQT được bầu.





- Số phiếu bầu thành viên BKS: là số cổ phần sở hữu của Cổ đông nhân với 03 thành viên BKS được bầu.

### 2.3. Phương thức bầu cử:

- Cổ đông có quyền bầu dồn phiếu cho 01 hoặc tối đa là 07 người (đối với thành viên HĐQT) và 03 người (đối với thành viên BKS) trong danh sách ứng cử viên được thể hiện trên phiếu bầu cử.

- Cổ đông có quyền:

+ Dồn toàn bộ số phiếu của mình cho một người, hoặc:

+ Có thể chia đều số phiếu bầu cho tất cả 07 người (đối với thành viên HĐQT) và 03 người (đối với thành viên BKS), hoặc:

- Có thể chia số phiếu bầu cho ít hơn số người quy định: ít hơn 7 người (đối với thành viên HĐQT) và ít hơn 03 người (đối với thành viên BKS) theo những tỷ lệ phiếu bầu khác nhau.

- Cổ đông phải đảm bảo tổng số phiếu bầu trên mỗi lá phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS không vượt quá tổng số phiếu bầu của Cổ đông như hướng dẫn phần 2.2.

- Cổ đông không bầu cho người nào thì bỏ trống ô số cổ phần của người đó.

#### Ví dụ:

*Cổ đông Nguyễn X đang nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 2.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi tham gia bầu cử thành viên HĐQT thì số phiếu bầu sẽ là: 2.000 cổ phần x 07 người = 14.000 phiếu.*

*Cổ đông Nguyễn X có thể bầu dồn phiếu theo các phương thức sau:*

- *Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn X dồn hết 14.000 phiếu này cho một ứng cử viên (trường hợp bên dưới dồn hết cho Nguyễn Văn C):*

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Văn A	
2	Nguyễn Văn B	
3	Nguyễn Văn C	14.000
4	Nguyễn Văn D	
5	Nguyễn Văn E	
6	Nguyễn Văn F	
7	Nguyễn Văn G	
	<b>Tổng cộng phiếu bầu</b> <i>(không vượt quá 14.000 phiếu)</i>	<b>14.000</b>

- *Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn X phân bố số phiếu bầu của mình cho 07 ứng cử viên:*

Stt	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
-----	--------------------	--------------

1	Nguyễn Văn A	4.000
2	Nguyễn Văn B	2.000
3	Nguyễn Văn C	2.000
4	Nguyễn Văn D	1.000
5	Nguyễn Văn E	2.000
6	Nguyễn Văn F	3.000
7	Nguyễn Văn G	
	<b>Tổng cộng phiếu bầu</b> (không vượt quá 14.000 phiếu)	<b>14.000</b>



**Lưu ý:**

- Cổ đông không bầu cho người nào thì bỏ trống ở số cổ phần của người đó.
- Cổ đông phải đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên HĐQT và BKS không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của Cổ đông đó (như quy định tại phần 2.2).

**3. Quy định về phiếu bầu không hợp lệ:**

Các phiếu bầu không hợp lệ là phiếu:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có đóng dấu treo của Công ty.
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của Cổ đông đó (như quy định tại phần 2.2).
- Phiếu không bầu ai hoặc bầu quá số người quy định.



*Mũi Chấn Khôi*



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Ngày 04 tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Về việc thông qua dự thảo Điều lệ của Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông Tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi xây dựng bản Điều lệ mới theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và phù hợp với mô hình hoạt động của công ty (Dự thảo Điều lệ đính kèm), trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để thay thế bản Điều lệ hiện hành .

Điều lệ có hiệu lực thi hành từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua .

Trân trọng kính trình ,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



MẠI THẾ KHÔI





CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Ngày tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 Về việc thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông Tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 , Luật chứng khoán, Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và phù hợp với mô hình hoạt động của công ty (Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm), trình Đại hội đồng cổ đông thông qua .

Quy chế có hiệu lực thi hành từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua .

Trân trọng kính trình ,

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



MAI THỂ KHÔI

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Ngày tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Về việc thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Thông Tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thực phẩm Bích Chi xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 , Luật chứng khoán, Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và phù hợp với mô hình hoạt động của công ty (Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm), trình Đại hội đồng cổ đông thông qua .

Quy chế có hiệu lực thi hành từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua .

Trân trọng kính trình ,

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Nguyễn Thị Thu Thảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

*(Ban hành theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên*

*Số 03/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2021)*

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## MỤC LỤC

<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>5</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>6</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>7</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....</b>	<b>7</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	9
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....</b>	<b>10</b>
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>10</b>
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20



Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	23
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>23</b>
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....	30
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>31</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	31
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp .....	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc .....	31
Điều 36. Thư ký Công ty .....	32
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>32</b>
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	32
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát .....	33
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát .....	33
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	34
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	34
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	35
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>35</b>
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	35
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	36
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>37</b>
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	37
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>37</b>
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn .....	37
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>38</b>

Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	38
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>	<b>38</b>
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 49. Năm tài chính.....	38
Điều 50. Chế độ kế toán.....	38
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>39</b>
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	39
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 53. Kiểm toán.....	39
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>40</b>
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	40
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....</b>	<b>40</b>
Điều 55. Giải thể công ty.....	40
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 57. Thanh lý.....	40
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>41</b>
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>41</b>
Điều 59. Điều lệ công ty.....	41
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>42</b>
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	42



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2021

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

#### 1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BICH CHI FOOD COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: BCF

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

#### 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45x1, đường Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại: 0277.3861910
- Fax: 0277.3864674
- E-mail: info@bichchi.com.vn
- Website: www.bichchi.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có [02] người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và



nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 210.837.250.000 đồng (Hai trăm mười tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).



Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 21.083.725 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400371184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/12/2000. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn [15 ngày] kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [15 ngày] kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;



b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:



- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.



4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng *[phương tiện khác]* theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:



- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [60] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.  
Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;  
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;



- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;



- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo quy định cụ thể sau:

- a) Đối với cổ đông là các nhân chỉ được ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc 01 tổ chức khác dự họp;
- b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 02 cá nhân hoặc 02 tổ chức khác, từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 03 cá nhân hoặc 03 tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 04 cá nhân hoặc 04 tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.



## **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;



- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



## **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên [50%]* tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;



b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
  - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
  - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
  - c) Định hướng phát triển công ty;
  - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;



- f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng vận bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;



- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 và nhiều nhất là 11 người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;



- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên



- hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
  - r) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty;
  - s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

11/11/2021  
HUY CH  
11/11



4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.



### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.



2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - c) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - d) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - e) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - f) Tham dự các cuộc họp;
  - g) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - j) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - k) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.



2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

### **Điều 36. Thư ký Công ty**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ



đồng nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:



- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đàm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.



2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác] thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết





những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 46. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.



### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 47. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 49. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 50. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

003  
ĐNC  
HUC  
CH  
T.Đ



2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 52. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 53. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 54. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 55. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 57. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.



3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 59. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [21 mục, 60 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Đồng Tháp và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Đại Diện Theo Pháp Luật*

*Công Ty cổ phần thực Phẩm Bích Chi*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI THẾ KHÔI





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

---

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

**(Ban hành theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông  
Số 03/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2021)**

**Đồng Tháp, ngày 28 tháng 4 năm 2021**

# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	3
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	8
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	10
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	12
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. ....	13
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	16
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</b> .....	18
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	18
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	18
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	19
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	20
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	20
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán .....	20
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	21
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	21



## **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.



#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.

- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.

- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

#### **Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị [ít nhất là 06 người và nhiều nhất là 11 người] người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế này.

5. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:



- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố dè, bố nuôi, mẹ dè, mẹ nuôi, con dè, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội



đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

**Điều 7: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

11/01/2023 10:22/01



d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị



2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;



g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;



q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.



3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;



- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

**Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:



- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.



14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.



2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

### Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.



**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình ban chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thực phẩm Bích Chi bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH





MAI THẾ KHÔI



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

๑๐0๐๑

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sửa đổi, bổ sung lần Ⅱ.

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông  
số 03/NQ-DHCD ngày 28/4./2021)*

*Đông Tháp, ngày 28 tháng 4 năm 2021*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>8</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	8
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	8
<b>CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>9</b>
<b>I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>9</b>
<b>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>9</b>
<b>Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>9</b>
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	16
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	17
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	18
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	19
Điều 16. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua	19
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	19
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
<b>II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN</b>	<b>21</b>
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	21
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	21
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến	



bảng văn bản 22

<b>III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN</b>	<b>23</b>
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	23
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	23
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	24
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	24
Điều 28. Điều kiện tiến hành	25
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến	25
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	25
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	25
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	26
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu	26
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
<b>IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN</b>	<b>26</b>
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 39. Điều kiện tiến hành	27
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu	27
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu	27
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu	27
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
<b>CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>28</b>
<b>Mục 1. Quy định chung</b>	<b>28</b>
Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	28
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT	28
<b>Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT</b>	<b>29</b>
Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT	29
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	30

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT	30
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
<b>Mục 3 – Thủ lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>32</b>
Điều 56. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	32
<b>Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</b>	<b>33</b>
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	33
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	33
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	34
Điều 61. Cách thức biểu quyết	34
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	35
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	36
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	36
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	36
<b>Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b>	<b>37</b>
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	37
<b>Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>	<b>37</b>
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	37
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	37
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	37
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	37
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	37
<b>CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>39</b>
<b>Mục 1. Quy định chung</b>	<b>39</b>
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	39
<b>Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>39</b>
Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	39



Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	40
Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	40
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	41
Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	41
Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	41
<b>CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>43</b>
Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	43
Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	43
Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc	43
Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	44
Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	44
<b>CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>	<b>45</b>
<b>Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc</b>	<b>45</b>
Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	45
Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát	45
Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc	45
Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	45
Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	46
Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc	46
Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	46
Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	47
<b>Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</b>	<b>50</b>
Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	50
Điều 96. Khen thưởng	50
Điều 97. Kỷ luật	50

<b>CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>52</b>
Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	52
<b>CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>52</b>
Điều 99. Ngày hiệu lực	52
<b>PHỤ LỤC I</b>	<b>53</b>
<b>TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HĐQT</b>	<b>53</b>
Điều 1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban	53
Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của tiểu ban kiểm toán nội bộ	55
Điều 3. Hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ	55



## CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

### Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Công ty: là Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. BKS: là Ban kiểm soát
6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

## CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 13, Điều 14 Điều lệ Công ty.

#### Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

#### Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

*(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)*

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và di lại.



- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)*

##### **1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:**

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa gồm 05 người hoặc ít hơn, bao gồm 01 Chủ tịch và các Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung cơ trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

**2. Thư ký đại hội:**

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Cổ đông/Đại biểu;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
  - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

**3. Ban kiểm phiếu:**

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
- Đảm bảo tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, có thể nhiều hoặc ít hơn tùy theo tình hình thực tế, bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:
- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại



hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

**Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham



dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
  - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.



6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 16 Điều lệ công ty; Điều 16 Điều lệ công ty)*

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
  - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
    - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
    - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
    - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
    - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
    - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
    - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội
  - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
  - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.



Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
  - Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

#### **Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên [50%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.



3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ công ty)*

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;



19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

### **1. Nguyên tắc chung**

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

### **2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử**

#### **a. Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..

#### **➤ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

#### **b. Phiếu bầu cử**

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

#### **➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;



- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

### **Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

#### **1. Nguyên tắc chung**

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

#### **2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết**

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

### **Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

#### **1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

#### **2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử**

- a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu



- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
  - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
  - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
  - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
  - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
    - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
    - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
    - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
- Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.
- Nguyên tắc trúng cử:
    - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
    - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
    - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

#### **Điều 15. Cách thức kiểm phiếu**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành; không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

#### **Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

*(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)*



1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
  - f. Gia hạn hoạt động công ty;
  - g. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

#### **Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc



Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - c. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - d. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - f. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - g. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - h. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - i. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - j. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
  - k. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - l. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)*

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



## **II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**

### **Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)*

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- j. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản**

Công ty không quy định trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
  - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - Mục đích lấy ý kiến;



- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
  - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - Phương án bầu cử (nếu có);
  - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu
- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
  - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu



- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
  - b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Lưu tài liệu:
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.
  - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN**

#### **Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

#### **Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCD) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được



cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 28. Điều kiện tiến hành**



Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

**Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến**

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

**Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

**Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.



- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

#### **Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

#### **Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

#### **Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

### **IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN**

#### **Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

#### **Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.



**Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 28 Quy chế này.

**Điều 39. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

**Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

**Điều 41. Cách thức bỏ phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

**Điều 42. Cách thức kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

**Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

**Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

**Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

## CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Mục 1. Quy định chung

#### Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

*(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty

#### Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

*(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.



2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
  - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.  
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

## **Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT**

### **Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)*

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị [ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người].
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
  - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.  
Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
    - i. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
    - ii. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
    - iii. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.



- b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 công ty đại chúng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

#### **Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Khoản 1,2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)*

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao



xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

**Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
  - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

**Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**



Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

#### **Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành



viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

#### **Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)*

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

#### **Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

#### **Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**



(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.  
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### **Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### **Điều 61. Cách thức biểu quyết**

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)



1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
  - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
  - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.



6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

#### **Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;



- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

**Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

## **Mục 5 - Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị**

### **Điều 67. Các tiêu ban trực thuộc HĐQT**

*(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)*

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [02 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Việc thành lập và hoạt động của các tiêu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

## **Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

### **Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

*(Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

### **Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

*(Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

### **Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

*(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)*



Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

### Mục 1. Quy định chung

#### **Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
  - c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
  - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
  - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
  - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

### Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

#### **Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty)*

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.



4. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)*

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
  - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
  - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
  - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.
3. Trường Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

*((Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 37 Điều lệ công ty)*

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) Kiểm soát viên.



2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

#### **Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.



**Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

### Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - g. Tuyển dụng lao động;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

### Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

### Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.



Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

**Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)*

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

### Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

#### Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

#### Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

#### Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

#### Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

*(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
  - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
    - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
    - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
  - b. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khác phục hậu quả; Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
    - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
    - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khác phục hậu quả;



2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
  - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
  - d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
  - e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua;
  - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
  - h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

**Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

*(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)*

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

**Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.



**Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 45 Điều lệ công ty)*

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
  - a. Các nội dung theo Điều 90 quy chế này;
  - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
  - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
  - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
  - b. Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
  - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

**Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;



- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
  - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
  - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - d. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
  - e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
  - e. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.  
HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:
- BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
  - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
  - c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;



- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
  - a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
  - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
  - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
  - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
  - e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

0371  
GT  
PHA  
CHI  
TNG



**Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

**Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

**Điều 96. Khen thưởng**

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 97. Kỷ luật**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.





## CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 99. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



MAI THẾ KHÔI

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG  
CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM BÍCH CHI**



## MỤC LỤC

<b>ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ</b> .....	4
<b>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	4
<b>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b> .....	5
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát .....	5
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát .....	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát .....	5
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát .....	6
Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	7
<b>CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT</b> .....	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	10
<b>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</b> .....	11
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	11
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	11
<b>CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</b> .....	12
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác .....	12
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
<b>CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</b> .....	14
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát .....	14
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
<b>CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	15
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	15

## **ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ**

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên.

## **CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.



## CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
  - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;



- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được



công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty

#### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;



g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.



## **CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.



**Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.



## CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thực phẩm Bích Chi bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Thủy

